BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIỆT NĂM 2025-2026
(Tuần từ 26/06/2026 – 02/07/2026)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mực nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 25/06/2026 ở cao trình 1,34m, biển hồ Tonle Sap bước vào giai đoạn tích nước, lượng điều tiết xuống hạ lưu là không đáng kể.

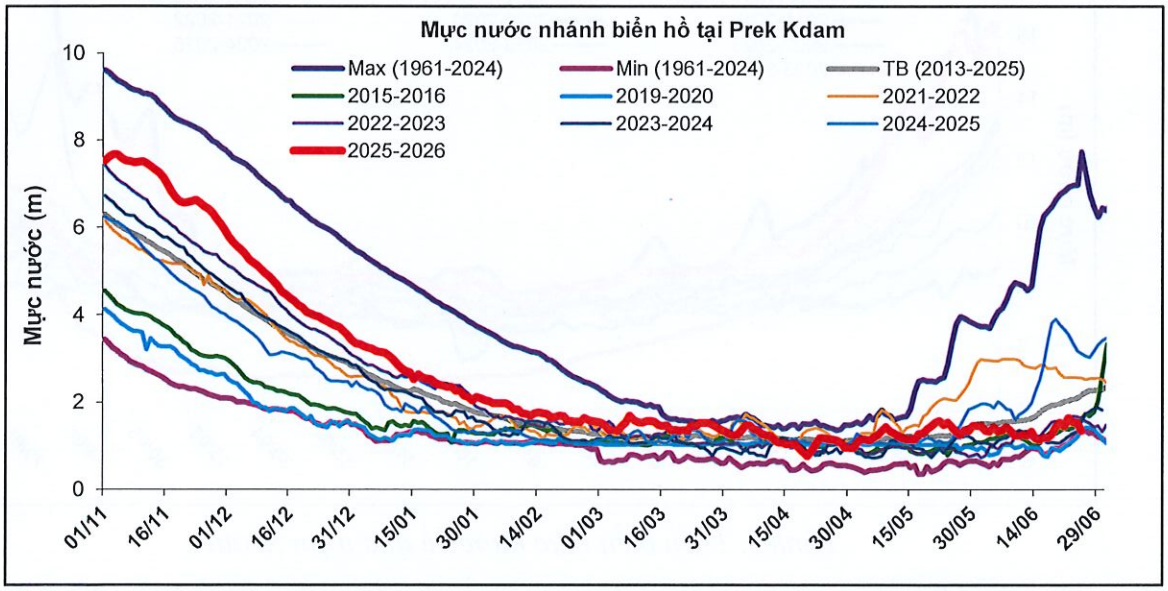

Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: So sánh mực nước các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap*

Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 25/06/2026	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m³) so với một số năm cùng thời điểm					
			TBNN (2013-2025)	2025	2024	2023	2020	2016
Chiang Saen*	m	3,29	+0,05	-0,83	-0,54	+0,33	+0,28	+0,63
Kratie*	m	9,70	-1,30	-3,15	-0,35	-0,19	+0,58	+0,45
Prekdam*	m	1,34	-0,82	-1,78	-0,20	-0,30	-0,02	-0,28
Dung tích hồ	Tỷ m³	1,65	-1,20	-2,73	+0,42	+0,11	+0,35	+0,48

*Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm theo số liệu của MRC là cao độ tương đối;*
(-) là thấp hơn; TBNN: Trung bình nhiều năm.

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 25/06/2026 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:

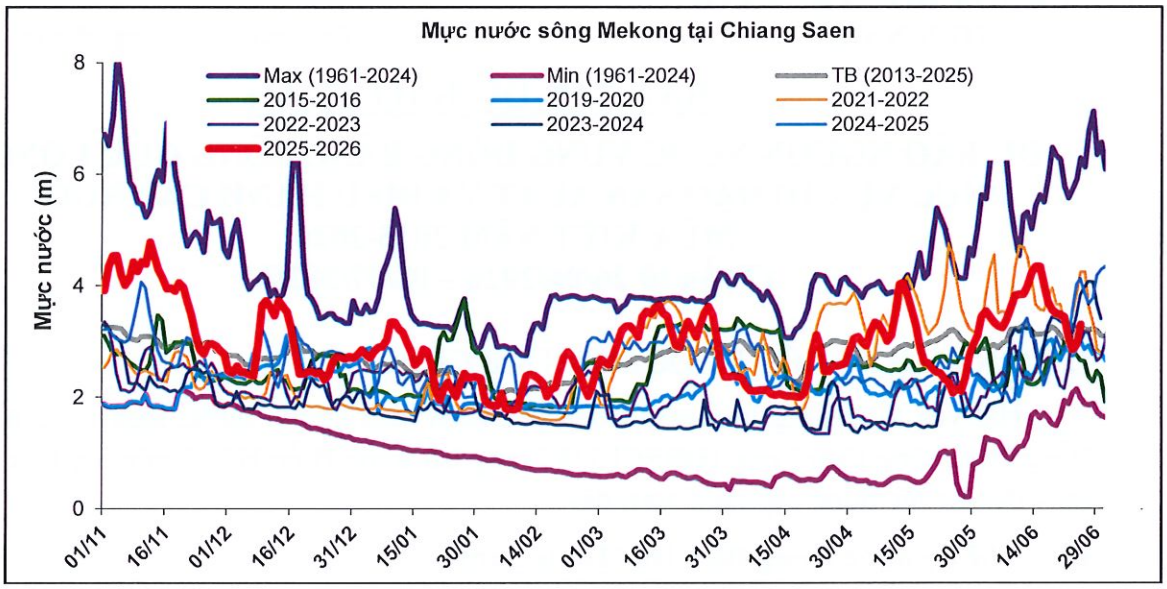

Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan

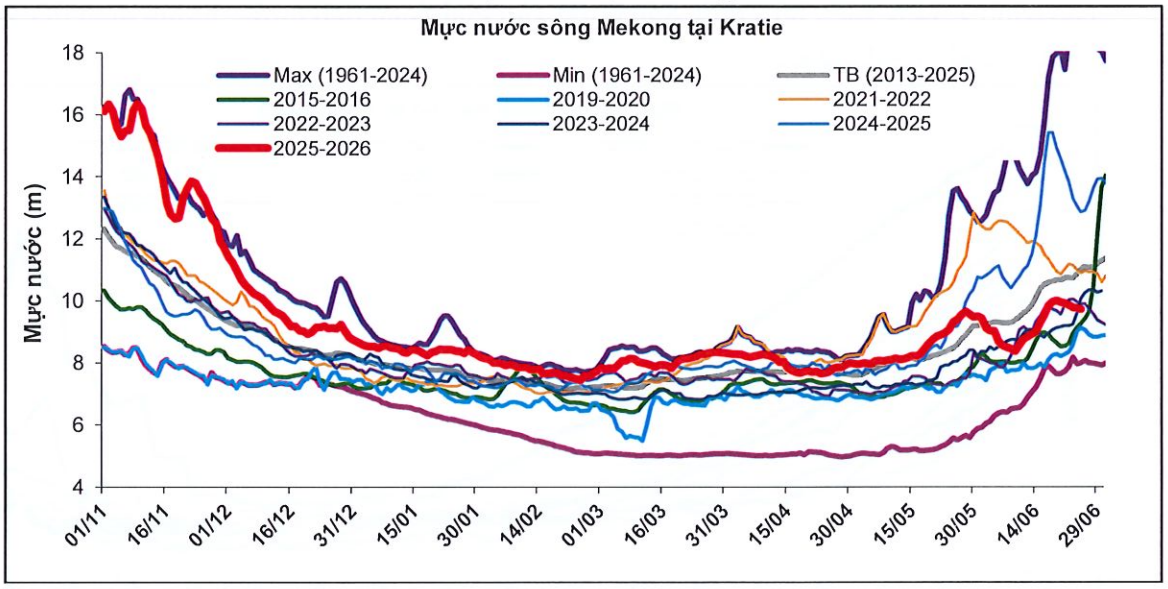

Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie

Diễn biến mực nước tại trạm thượng nguồn Kratie, ở Biển Hồ Tonle Sap và trạm đầu nguồn ĐBSCL tại Tân Châu và Châu Đốc như sau:

- Tại trạm Kratie: Tính đến 07 giờ ngày 25/06/2026, mực nước hiện ở mức 9,7m. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, mực nước tại đây hiện thấp hơn khoảng 1,3m so với TBNN; khoảng 3,15m so với mùa khô 2024-2025; khoảng 0,35m so với mùa khô 2023-2024; khoảng 0,19m so với mùa khô 2022-2023, tuy vậy vẫn cao hơn khoảng 0,58m so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,45m so với mùa khô 2015-2016;

- Tại Biển Hồ: Hồ hiện đang ở giai đoạn giao mùa, nước chảy vào/ra. Dung tích Biển Hồ hiện tại còn khoảng 1,65 tỷ m^3. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, dung tích hiện thấp hơn khoảng 1,2 tỷ m^3 so với TBNN; khoảng 2,73 tỷ m^3 so với mùa khô 2024-2025, nhưng cao hơn khoảng 0,42 tỷ m^3 so với mùa khô 2023-2024; khoảng

0,11 tỷ m^3 so với mùa khô 2022-2023; khoảng 0,35 tỷ m^3 so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,48 tỷ m^3 so với mùa khô 2015-2016;

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 24/06/2026 đạt lần lượt là 1,17m và 1,26m. Dự báo xu thế mực nước lớn nhất đầu nguồn ĐBSCL có xu thế tăng đến cuối tuần dự báo (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 24/06/2026	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (+) là cao hơn; (-) là thấp hơn					
		TBNN (2013-2025)	2025	2024	2023	2020	2016
Tân Châu	1,17	-0,15	-0,48	-0,06	-0,01	-0,02	+0,02
Châu Đốc	1,26	-0,16	-0,50	-0,21	-0,03	-0,09	0,00
Mỹ Thuận	0,92	-0,06	-0,28	+0,92	+0,06	-0,19	-0,01
Cần Thơ	1,09	-0,01	-0,26	+1,09	+0,15	-0,17	+0,08

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 18-24/6/2026, xuất hiện mưa trên Đồng bằng với diện rộng; tổng lượng từ 20-30mm, có nơi mưa hơn 80mm (Hình 4). Dự báo tuần tới (26/6-02/7) có khả năng tiếp tục xuất hiện trên diện rộng với vũ lượng trung bình từ 40-60mm.

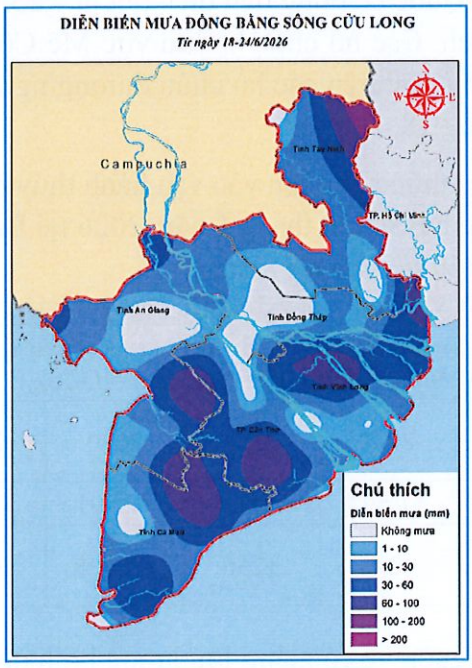

Hình 4. Diễn biến mưa trong tuần từ 18-24/6

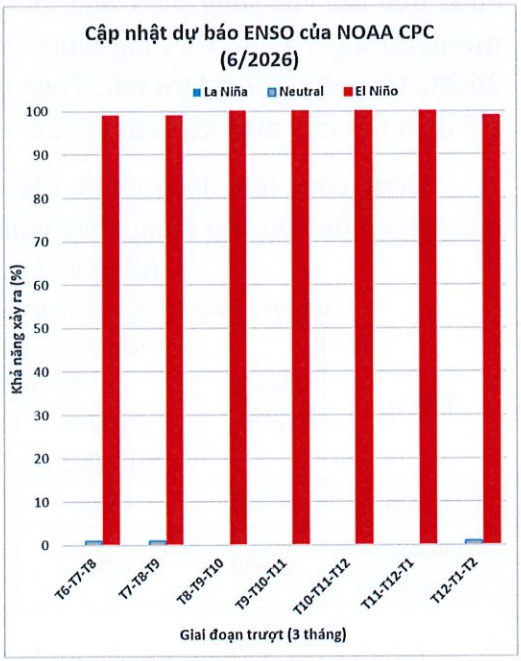

Hình 5. Dự báo diễn biến ENSO theo thang trượt 3 tháng

Theo dự báo ENSO của IRI, xác suất El Niño trong giai đoạn tháng 6-tháng 9 cho là 100% và duy trì đến giai đoạn tháng 9-tháng 11. Từ tháng 10 đến tháng 12 và tháng 12 đến tháng 2 xác suất El Niño là 98%, các giai đoạn tiếp theo 98% và 97%.

2.2. Diễn biến mực nước thủy triều lớn nhất trên các cửa sông

Trong tuần từ 26/06/2026 - 03/07/2026, thủy triều Biển Đông có xu thế tăng dần

đến hết tuần dự báo, mực nước đỉnh triều cao nhất trong tuần khu vực biển Gành Hào 1,75m. Biển Tây, khu vực biển Rạch Giá, đỉnh triều cao nhất các ngày trong tuần dự báo dao động nhỏ, từ 0,46m-0,51m.

Bảng 3: Dự báo mực nước triều lớn nhất một số trạm cửa sông ven biển

Đơn vị (m)

Thời Gian (ngày)	Vũng Tàu	Vàm Kênh	Bình Đại	An Thuận	Bến Trại	Trần Đề	Gành Hào	Sông Đốc	Rạch Giá
26/06	0,52	0,63	0,83	0,81	0,94	1,26	1,61	0,76	0,48
27/06	0,51	0,61	0,81	0,81	0,92	1,28	1,62	0,77	0,51
28/06	0,52	0,63	0,83	0,83	0,95	1,29	1,64	0,79	0,51
29/06	0,55	0,71	0,91	0,89	0,99	1,36	1,66	0,79	0,51
30/06	0,61	0,77	0,96	0,94	1,06	1,42	1,72	0,80	0,49
01/07	0,62	0,80	0,99	0,96	1,06	1,46	1,75	0,80	0,48
02/07	0,64	0,82	1,00	0,97	1,08	1,48	1,72	0,79	0,46

2.3. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 19/6-25/6 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 1.028 m^3/s – 2.616 m^3/s được xem là tuần tiếp tục xả nước cao. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 7,25 tỷ m^3, tương đương với 30,5% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 26,8% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước trên các hồ chứa thượng nguồn có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2026 vào khoảng 18,43 tỷ m^3.

Dòng chảy trên dòng chính Mê Công phụ thuộc khá lớn vào vận hành thủy điện ở thượng nguồn. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL ở tháng 6 năm 2026 tại Bảng 4.

Bảng 4: Lưu lượng (Q) dự báo tại Kratie
và sự khác biệt với lưu lượng TBNN và một số năm đặc trưng khác

Tháng	Qkratie (m^3/s)	Khác biệt lưu lượng (m^3/s) năm dự báo 2026 so với lưu lượng đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ ($Q_{kratie\ dự\ báo} - Q_{so\ sánh}$)					
		TBNN (2013-2025)	2025	2024	2023	2020	2016
Th.05/2026	5.330	+585	+139	+1.592	+1.930	+2.191	+2.088
Dự báo Th.06/2026	6.600	-1.767	-7.048	+226	+250	+1.906	+603

Trong tuần dự báo, nguồn nước thượng nguồn về có giảm, lưu lượng bình quân về qua Kratie vẫn nhỏ hơn TBNN. Mưa trên đồng bằng và triều cường thấp nên xâm nhập mặn giảm nhanh và không còn ảnh hưởng đến sản xuất, được bảo vệ an toàn bởi các hệ thống thủy lợi. Dự báo nguồn nước trong tuần cụ thể như sau:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Tây Ninh (thuộc vùng Đồng Tháp Mười) và TP. Cần Thơ nguồn nước đảm bảo.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Cà Mau. Trong tuần xâm nhập mặn nội đồng tiếp tục giảm nhanh, ranh mặn 4g/l cao nhất cách biển dưới 20km trên các

cửa sông Cửu Long, nằm trong tầm kiểm soát bởi các hệ thống thủy lợi. Kiểm tra độ mặn ở các cửa lấy nước trước khi lấy.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm các xã, phường ven biển ĐBSCL (thuộc Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và tỉnh Tây Ninh). Từ tuần này mặn ở các vùng cửa sông ven biển giảm nhanh, nguồn nước đảm bảo. Để đảm bảo sản xuất cần kiểm tra độ mặn trước khi lấy và cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên.

Trong tuần dự báo từ 26/06/2026 đến 03/07/2026, mặn giảm nhanh trên các cửa sông và khu vực nội đồng, ranh mặn 4g/l sâu nhất trong tuần dự báo trên các cửa sông Cửu Long dưới 20km. Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, kiểm tra nồng độ mặn trước khi lấy nước. Xâm nhập mặn nội đồng trên đồng bằng tiếp tục giảm trong thời gian tới.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIỆT 2025-2026

Đã bước vào mùa mưa, nguồn nước đảm bảo cấp nước đủ diện tích theo kế hoạch sản xuất của các địa phương. Các địa phương bố trí sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch của ngành trồng trọt và chủ động các giải pháp ứng phó với nắng nóng do ảnh hưởng của El Nino dự báo mạnh nhất hơn 70 năm qua, cụ thể:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đủ, có thể lấy nước bất cứ thời gian nào trong tuần. Các vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn chủ động tích nước cho các vụ sau.

- Vùng giữa ĐBSCL: nguồn nước đảm bảo sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch. Vùng giáp ranh mặn-lợ chủ động tích trữ nước và tiêu nước hợp lý, đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất trong vụ Hè Thu.

- Vùng ven biển ĐBSCL: các hệ thống thuỷ lợi ven biển như vùng Gò Công, cù lao Bảo và cù lao An Hóa (tỉnh Vĩnh Long), vùng ven biển thuộc hệ thống Nam Măng Thít (tỉnh Vĩnh Long) và hệ thống Long Phú-Tiếp Nhật mặn đã được kiểm soát không làm ảnh hưởng đến sản xuất trong vùng. Vận hành hợp lý các cống lấy nước, kiểm soát mặn và tiêu úng khi cần phục vụ sản xuất vụ Hè Thu.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Đã bước vào mùa mưa và lưu lượng thượng nguồn về đủ đáp ứng để đẩy lùi về cửa sông, mặn không còn ảnh hưởng đến sản xuất. Nguồn nước đảm bảo sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch hàng năm của các địa phương. Tuy nhiên, đề phòng ảnh hưởng nặng của El Nino mạnh, diện tích lúa Đông Xuân 2026-2027 có thể giảm và cần dịch chuyển sớm. Vì vậy các địa phương ven biển vùng ĐBSCL kết thúc sớm các vụ năm 2026. Xem xét tăng diện tích lúa vụ 3 vùng ngập lũ để bù vào phần lương thực có thể bị giảm ở vụ Đông Xuân năm sau.

Thời kì mặn cao nhất trên các cửa sông Cửu Long đã qua, đây là bản tin hàng tuần dự báo nguồn nước cuối của mùa kiệt năm 2025-2026. Trong trường hợp có bất thường về nguồn nước có thể làm ảnh hưởng đến diễn biến xâm nhập mặn sẽ được cập nhật bởi các bản tin đột xuất. Bản tin dự báo mùa phục vụ điều hành sản xuất vụ Đông Xuân năm

2026-2027 sẽ được phát vào cuối tháng 9, các địa phương theo dõi cập nhật bản tin.

VIỆN KHOA HỌC THUỶ LỢI MIỀN NAM

VIỆN TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Phú Quỳnh

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: http://www.siwrr.org.vn
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toản (di động: 0918 000 377)./.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng

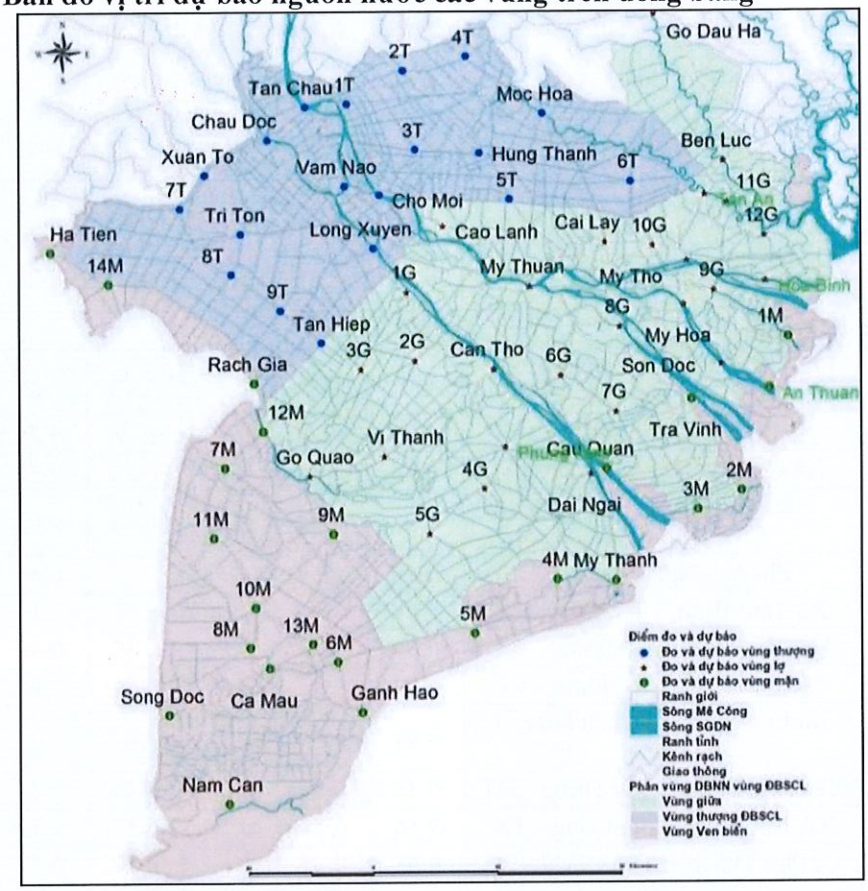

Phụ lục 2: Dự báo mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	*Trạm*	*Thuộc xã/phường*	*Ngày dự báo*							
			25/06	*26/06*	*27/06*	*28/06*	*29/06*	*30/06*	*01/07*	*02/07*
I. Vùng Thượng đồng bằng										
1	1T	Phường Hồng Ngự - ĐT	*1,04*	*1,04*	*1,04*	*1,06*	*1,07*	*1,10*	*1,13*	*1,12*
2	2T	Xã Tân Thành - ĐT	*0,62*	*0,67*	*0,71*	*0,74*	*0,75*	*0,76*	*0,77*	*0,79*
3	3T	Xã Tràm Chim - ĐT	*0,75*	*0,80*	*0,85*	*0,88*	*0,90*	*0,90*	*0,92*	*0,92*
4	4T	Xã Vĩnh Hưng + Khánh Hưng - TN	*0,33*	*0,34*	*0,37*	*0,40*	*0,42*	*0,43*	*0,45*	*0,47*
5	5T	Xã Tháp Mười - ĐT	*0,67*	*0,72*	*0,75*	*0,78*	*0,79*	*0,80*	*0,83*	*0,81*
6	6T	Xã Thạnh Hóa+Tân Phước 1 - TN	*0,35*	*0,39*	*0,42*	*0,45*	*0,47*	*0,48*	*0,50*	*0,50*
7	7T	Xã Ba Chúc - AG	*0,10*	*0,10*	*0,10*	*0,10*	*0,11*	*0,12*	*0,15*	*0,15*
8	8T	Xã Hòn Đất+Cô Tô - AG	*0,30*	*0,32*	*0,34*	*0,35*	*0,35*	*0,35*	*0,37*	*0,36*
9	9T	Xã Thoại Sơn+Mỹ Thuận - AG	*0,29*	*0,33*	*0,35*	*0,36*	*0,36*	*0,36*	*0,38*	*0,38*
10	Châu Đốc	Phường Châu Đốc+Châu Phong - AG	*1,26*	*1,25*	*1,24*	*1,25*	*1,26*	*1,29*	*1,33*	*1,32*
11	Chợ Mới	Xã Long Điền - AG	*1,10*	*1,11*	*1,09*	*1,11*	*1,12*	*1,15*	*1,19*	*1,18*
12	Hưng Thạnh	Xã Phương Thịnh + Trường Xuân - ĐT	*0,42*	*0,48*	*0,52*	*0,55*	*0,57*	*0,58*	*0,61*	*0,60*
13	Long Xuyên	Phường Long Xuyên+Mỹ Hòa Hưng - AG	*1,16*	*1,18*	*1,21*	*1,23*	*1,27*	*1,29*	*1,31*	*1,31*
14	Mộc hóa	Phường Kiến Tường - TN	*0,29*	*0,32*	*0,35*	*0,38*	*0,40*	*0,41*	*0,44*	*0,43*
15	Tân Châu	Phường Long Phú+Tân Châu - AG	*1,18*	*1,15*	*1,14*	*1,15*	*1,16*	*1,19*	*1,22*	*1,22*

STT	Trạm	Thuộc xã/phường	Ngày dự báo							
			25/06	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07
16	Tân Hiệp	Xã Tân Hiệp - AG	0,49	0,52	0,54	0,55	0,55	0,54	0,55	0,54
17	Tri Tôn	Xã Tri Tôn - AG	0,36	0,38	0,40	0,41	0,41	0,41	0,43	0,43
18	Vàm Nao	Xã Chợ Mới+Phú Tân - AG	1,22	1,22	1,23	1,24	1,26	1,29	1,31	1,31
19	Xuân Tô	Phường Tịnh Biên - AG	0,26	0,27	0,29	0,30	0,30	0,31	0,32	0,35
II. Vùng Giữa đồng bằng										
1	1G	Phường Thốt Nốt+Thuận Hưng - CT	1,14	1,18	1,21	1,25	1,27	1,30	1,32	1,32
2	2G	Xã Thới Lai - CT	0,72	0,74	0,77	0,78	0,78	0,78	0,79	0,78
3	3G	Xã Cờ Đỏ+Thạnh Hưng - CT	0,45	0,48	0,49	0,50	0,51	0,51	0,52	0,52
4	4G	Xã Long Hưng+Tân Phước Hưng - CT	0,87	0,90	0,92	0,93	0,95	0,96	0,98	0,98
5	5G	Phường Ngã Năm - CT	0,58	0,62	0,63	0,64	0,65	0,65	0,66	0,66
6	6G	Xã Tam Bình + Trà Côn - VL	1,04	1,03	1,06	1,08	1,12	1,16	1,18	1,19
7	7G	Xã Tân An + An Trường - CT	0,89	0,88	0,85	0,82	0,82	0,81	0,80	0,79
8	8G	Xã Quới An + Cái Nhum - VL	0,93	0,91	0,91	0,92	0,94	0,98	1,00	0,99
9	9G	Xã Lương Hòa+ Châu Hưng - VL	0,94	0,99	1,01	1,04	1,05	1,07	1,15	1,16
10	10G	Xã Long Định+Long Hưng - ĐT	0,38	0,39	0,38	0,39	0,41	0,42	0,45	0,45
11	11G	Xã Tân Trụ + Vĩnh Công - TN	0,56	0,56	0,55	0,57	0,59	0,62	0,65	0,64
12	12G	Xã Phú Thành + Thuận Mỹ - ĐT	0,68	0,65	0,63	0,64	0,71	0,77	0,78	0,81
13	Bến Lức	Xã Bình Đức + Bến Lức - AG	0,93	0,96	0,97	0,99	1,00	1,04	1,05	1,05
14	Cai Lậy	Phường Cai Lậy+ Thanh Hòa - ĐT	0,86	0,87	0,87	0,88	0,91	0,93	0,96	0,97
15	Cần Thơ	Phường Hưng Phú+Cái Khế - CT	1,16	1,17	1,20	1,22	1,25	1,29	1,31	1,30
16	Cao Lãnh	Phường Cao Lãnh - ĐT	1,09	1,11	1,12	1,14	1,16	1,17	1,20	1,19
17	Đại Ngãi	Xã Đại Ngãi - CT	1,11	1,10	1,10	1,11	1,18	1,25	1,27	1,31
18	Gò Dầu Hạ	Phường Gò Dầu+Bến Cầu - TN	0,69	0,74	0,77	0,78	0,80	0,82	0,81	0,81
19	Gò Quao	Xã Gò Quao+ Vĩnh Tuy - AG	0,58	0,61	0,62	0,62	0,62	0,62	0,62	0,61
20	Hòa Bình	Xã Vĩnh Hựu - ĐT	0,70	0,63	0,62	0,63	0,74	0,78	0,82	0,82
21	Mỹ Hoá	Phường Bến Tre - VL	0,93	0,90	0,90	0,88	0,92	0,95	0,98	0,98
22	Mỹ Tho	Phường Mỹ Tho - ĐT	0,87	0,83	0,82	0,83	0,91	0,95	0,99	0,98
23	Mỹ Thuận	Phường Tân Ngãi+An Hữu - VL	0,95	0,94	0,96	0,96	1,00	1,03	1,05	1,06
24	Phụng Hiệp	Phường Ngã Bảy - CT	0,99	0,99	1,02	1,04	1,07	1,12	1,14	1,13
25	Sơn Đốc	Xã Hưng Nhượng - VL	0,67	0,65	0,63	0,65	0,73	0,79	0,80	0,83
26	Tân An	Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh	0,73	0,72	0,72	0,73	0,75	0,79	0,81	0,80

STT	Trạm	Thuộc xã/phường	Ngày dự báo							
			25/06	26/06	27/06	28/06	29/06	30/06	01/07	02/07
27	Vị Thanh	Phường Vị Tân+Vị Thanh - CT	0,57	0,60	0,62	0,63	0,63	0,63	0,63	0,63
III. Vùng ven biển										
1	1M	Xã Thạnh Phước+Bảo Thạnh - VL	0,87	0,83	0,81	0,83	0,90	0,95	0,97	0,98
2	2M	Xã Long Hữu + Trường Long Hòa - VL	1,00	0,97	0,96	0,98	1,04	1,11	1,11	1,13
3	3M	Xã Đôn Châu + Long Vĩnh - VL	1,08	1,03	1,05	1,06	1,11	1,18	1,22	1,21
4	4M	Phường Khánh Hòa - CT	1,08	1,05	1,05	1,06	1,14	1,20	1,24	1,26
5	5M	Phường Bạc Liêu - CM	1,24	1,21	1,20	1,24	1,27	1,33	1,38	1,36
6	6M	Xã An Trạch - CM	0,49	0,55	0,59	0,61	0,61	0,64	0,63	0,59
7	7M	Xã Đông Hòa + Đông Thái - AG	0,40	0,43	0,44	0,45	0,45	0,44	0,44	0,43
8	8M	Xã Hồ Thị Kỷ +Khánh An - CM	0,63	0,65	0,67	0,68	0,68	0,68	0,69	0,69
9	9M	Xã Vĩnh Lộc + Vĩnh Bình - CM	0,54	0,56	0,57	0,57	0,57	0,57	0,57	0,56
10	10M	Xã Thới Bình - CM	0,51	0,53	0,54	0,55	0,55	0,55	0,56	0,56
11	11M	Xã An Minh - AG	0,59	0,61	0,63	0,63	0,63	0,63	0,63	0,63
12	12M	Xã An Biên + Tây Yên - AG	0,63	0,68	0,71	0,71	0,71	0,69	0,68	0,66
13	13M	Xã Phong Thạnh - CM	0,58	0,61	0,62	0,62	0,63	0,63	0,63	0,64
14	14M	Xã Hòa Điền + Kiên Lương - AG	0,29	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,43	0,42
15	An Thuận	Xã Tân Thủy - VL	0,86	0,83	0,81	0,84	0,91	0,96	0,98	1,00
16	Cà Mau	Phường Hòa Thành + Lý Văn Lâm - CM	0,66	0,72	0,76	0,77	0,78	0,78	0,77	0,76
17	Cầu Quan	Xã Tân Hòa - VL	1,24	1,23	1,25	1,26	1,32	1,36	1,39	1,41
18	Gành Hào	Xã Gành Hào + Tân Thuận - CM	1,60	1,57	1,57	1,60	1,62	1,66	1,69	1,68
19	Hà Tiên	Phường Tô Châu - AG	0,43	0,48	0,51	0,51	0,51	0,49	0,48	0,46
20	Mỹ Thanh	Xã Vĩnh Hải + Lịch Hội Thượng - CT	1,07	1,01	1,03	1,05	1,10	1,17	1,20	1,21
21	Năm Căn	Xã Năm Căn + Tân Ân - CM	1,28	1,28	1,28	1,29	1,33	1,35	1,37	1,38
22	Rạch Giá	Phường Rạch Giá - AG	0,43	0,48	0,50	0,51	0,51	0,49	0,48	0,46
23	Sông Đốc	Xã Sông Đốc - CM	0,72	0,75	0,76	0,78	0,78	0,78	0,79	0,77
24	Trà Vinh	Phường Hòa Thuận + Long Đức - VL	1,13	1,09	1,11	1,11	1,17	1,22	1,23	1,24

Ghi chú:

Tương đương ngày đầu tuần dự báo

Cao hơn ngày đầu tuần dự báo

Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Tên các tỉnh, thành phố viết tắt:

AG: An Giang; ĐT: Đồng Tháp;
CM: Cà Mau; CT: Cần Thơ
TN: Tây Ninh; VL: Vĩnh Long.

Phụ lục 3: Dự báo xâm nhập mặn các vùng trên ĐBSCL

TT	Trạm	Thuộc xã/phường	Sông/ Kênh rạch	Khoảng cách đến cửa biển (km)	Độ mặn max (g/l)	Ngày max	Ghi chú
Vùng Thượng							
1	**1T**	Phường Hồng Ngự - ĐT	Kênh Hồng Ngự	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
2	**2T**	Xã Tân Thành - ĐT	Kênh Tân Thành – Lò Gạch	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
3	**3T**	Xã Tràm Chim - ĐT	Kênh Đồng Tiến	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
4	**4T**	Xã Vĩnh Hưng + Khánh Hưng - TN	Kênh 28	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
5	**5T**	Xã Tháp Mười - ĐT	Kênh Phước Xuyên	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
6	**6T**	Xã Thạnh Hóa+Tân Phước 1 - TN	Kênh Bắc Đông	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
7	**7T**	Xã Ba Chúc - AG	Kênh Vĩnh Tế	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
8	**8T**	Xã Hòn Đất+Cô Tô - AG	Kênh Tri Tôn	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
9	**9T**	Xã Thoại Sơn+Mỹ Thuận - AG	Kênh Núi Chắc – Năng Gù	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
10	**Châu Đốc**	Phường Châu Đốc+Châu Phong - AG	Sông Hậu	197	0,0		Nguồn nước đảm bảo
11	**Chợ Mới**	Xã Long Điền - AG	Sông Tiền	171	0,0		Nguồn nước đảm bảo
12	**Hưng Thạnh**	Xã Phương Thịnh + Trường Xuân - ĐT	Kênh Đồng Tiến	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
13	**Long Xuyên**	Phường Long Xuyên+Mỹ Hòa Hưng - AG	Sông Hậu	144	0,0		Nguồn nước đảm bảo
14	**Mộc hóa**	Phường Kiến Tường - TN	Sông Vàm Cỏ Tây	167	0,0		Nguồn nước đảm bảo
15	**Tân Châu**	Phường Long Phú+Tân Châu - AG	Sông Tiền	211	0,0		Nguồn nước đảm bảo
16	**Tân Hiệp**	Xã Tân Hiệp - AG	Kênh Cái Sắn	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
17	**Tri Tôn**	Xã Tri Tôn - AG	Kênh Tri Tôn	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
18	**Vàm Nao**	Xã Chợ Mới+Phú Tân - AG	Sông Vàm Nao	184	0,0		Nguồn nước đảm bảo
19	**Xuân Tô**	Phường Tịnh Biên - AG	Kênh Vĩnh Tế	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
Vùng Giữa							
1	**1G**	Phường Thốt Nốt+Thuận Hưng - CT	Sông Hậu	118	0,0		Nguồn nước đảm bảo
2	**2G**	Xã Thới Lai - CT	Kênh Ô Môn	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
3	**3G**	Xã Cờ Đỏ+Thạnh Hưng - CT	Kênh Thốt Nốt	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
4	**4G**	Xã Long Hưng+Tân Phước Hưng - CT	Kênh Tân Lập	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
5	**5G**	Phường Ngã Năm - CT	Kênh Ngã Năm – Xẻo Chít	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
6	**6G**	Xã Tam Bình + Trà Côn - VL	Kênh Trà Ngoa	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
7	**7G**	Xã Tân An + An Trường - CT	Kênh Phú Thọ - Nhà Thờ	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
8	**8G**	Xã Quới An + Cái Nhum - VL	Sông Cổ Chiên	60	0,0		Nguồn nước đảm bảo
9	**9G**	Xã Lương Hòa+ Châu Hưng - VL	Sông Ba Lai	43	0,1		Nguồn nước đảm bảo

TT	Trạm	Thuộc xã/phường	Sông/ Kênh rạch	Khoảng cách đến cửa biển (km)	Độ mặn max (g/l)	Ngày max	Ghi chú
10	**10G**	Xã Long Định+Long Hưng - ĐT	Kênh Nguyễn Tấn Thành	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
11	**11G**	Xã Tân Trụ + Vĩnh Công - TN	Sông Vàm Cỏ Tây	68	0,2		Nguồn nước đảm bảo
12	**12G**	Xã Phú Thành + Thuận Mỹ - ĐT	Kênh Chợ Gạo	Nội đồng	7,6	01/07	Kiểm soát mặn
13	**Bến Lức**	Xã Bình Đức + Bến Lức - AG	Sông Vàm Cỏ Đông	67	0,5		Nguồn nước đảm bảo
14	**Cai Lậy**	Phường Cai Lậy+ Thanh Hòa - ĐT	Sông Ba Rài	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
15	**Cần Thơ**	Phường Hưng Phú+Cái Khế - CT	Sông Hậu	79	0,0		Nguồn nước đảm bảo
16	**Cao Lãnh**	Phường Cao Lãnh - ĐT	Sông Tiền	148	0,0		Nguồn nước đảm bảo
17	**Đại Ngãi**	Xã Đại Ngãi - CT	Sông Hậu	33	0,5		Nguồn nước đảm bảo
18	**Gò Dầu Hạ**	Phường Gò Dầu+Bến Cầu - TN	Sông Vàm Cỏ Đông	140	0,0		Nguồn nước đảm bảo
19	**Gò Quao**	Xã Gò Quao+ Vĩnh Tuy - AG	Sông Cái Lớn	40	0,7		Nguồn nước đảm bảo
20	**Hòa Bình**	Xã Vĩnh Hựu - ĐT	Cửa Tiểu	20	3,0	26/06	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
21	**Mỹ Hoá**	Phường Bến Tre - VL	Sông Hàm Luông	48	0,1		Nguồn nước đảm bảo
22	**Mỹ Tho**	Phường Mỹ Tho - ĐT	Sông Tiền	48	0,0		Nguồn nước đảm bảo
23	**Mỹ Thuận**	Phường Tân Ngãi+An Hữu - VL	Sông Tiền	108	0,0		Nguồn nước đảm bảo
24	**Phụng Hiệp**	Phường Ngã Bảy - CT	Kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	Nội đồng	0,0		Nguồn nước đảm bảo
25	**Sơn Đốc**	Xã Hưng Nhượng - VL	Sông Hàm Luông	25	1,6	02/07	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
26	**Tân An**	Phường Long An, Tỉnh Tây Nnh	Sông Vàm Cỏ Tây	78	0,3		Nguồn nước đảm bảo
27	**Vị Thanh**	Phường Vị Tân+Vị Thanh - CT	Kênh Xà No	70	0,0		Nguồn nước đảm bảo
Vùng Ven Biển							
1	**1M**	Xã Thạnh Phước+Bảo Thạnh - VL	Sông Ba Lai	13	8,1	02/07	Kiểm soát mặn
2	**2M**	Xã Long Hữu + Trường Long Hòa - VL	Sông Bến Giá	Nội đồng	5,4	02/07	Kiểm soát mặn
3	**3M**	Xã Đôn Châu + Long Vĩnh - VL	Kênh Nguyễn Văn Pho	Nội đồng	2,1	02/07	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
4	**4M**	Phường Khánh Hòa - CT	Sông Mỹ Thanh	Nội đồng	0,7		Nguồn nước đảm bảo
5	**5M**	Phường Bạc Liêu - CM	Kênh 30-4	Nội đồng	12,5	02/07	Kiểm soát mặn
6	**6M**	Xã An Trạch - CM	Kênh Cái Kèo	Nội đồng	13,5	27/06	Kiểm soát mặn
7	**7M**	Xã Đông Hòa + Đông Thái - AG	Sông Trẹm	Nội đồng	7,2	28/06	Kiểm soát mặn
8	**8M**	Xã Hồ Thị Kỷ +Khánh An - CM	Sông Đốc	Nội đồng	13,1	27/06	Kiểm soát mặn
9	**9M**	Xã Vĩnh Lộc + Vĩnh Bình - CM	Sông Cái Lớn	Nội đồng	9,5	28/06	Kiểm soát mặn
10	**10M**	Xã Thới Bình - CM	Sông Trẹm	Nội đồng	13,1	28/06	Kiểm soát mặn
11	**11M**	Xã An Minh - AG	Sông Trẹm	Nội đồng	10,3	28/06	Kiểm soát mặn

TT	Trạm	Thuộc xã/phường	Sông/ Kênh rạch	Khoảng cách đến cửa biển (km)	Độ mặn max (g/l)	Ngày max	Ghi chú
12	**12M**	Xã An Biên + Tây Yên - AG	Sông Cái Lớn	10	3,2	28/06	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
13	**13M**	Xã Phong Thạnh - CM	Kênh Láng Trâm	Nội đồng	13,3	28/06	Kiểm soát mặn
14	**14M**	Xã Hòa Điền + Kiên Lương - AG	Kênh Rạch Giá – Hà Tiên	Nội đồng	2,0	28/06	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
15	**An Thuận**	Xã Tân Thủy - VL	Sông Hàm Luông	6	5,4	02/07	Kiểm soát mặn
16	**Cà Mau**	Phường Hòa Thành + Lý Văn Lâm - CM	Sông Gành Hào	Nội đồng	13,5	02/07	Kiểm soát mặn
17	**Cầu Quan**	Xã Tân Hòa - VL	Sông Hậu	31	2,1	02/07	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
18	**Gành Hào**	Xã Gành Hào + Tân Thuận - CM	Sông Gành Hào	Cửa biển	13,7	02/07	Kiểm soát mặn
19	**Hà Tiên**	Phường Tô Châu - AG	Kênh Vĩnh Tế	Cửa biển	2,4	28/06	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước
20	**Mỹ Thanh**	Xã Vĩnh Hải + Lịch Hội Thượng - CT	Sông Mỹ Thanh	Cửa biển	5,0	02/07	Kiểm soát mặn
21	**Năm Căn**	Xã Năm Căn + Tân Ân - CM	Sông Cửa Lớn	Nội đồng	13,7	02/07	Kiểm soát mặn
22	**Rạch Giá**	Phường Rạch Giá - AG	Sông Rạch Giá	Cửa biển	0,5		Nguồn nước đảm bảo
23	**Sông Đốc**	Xã Sông Đốc - CM	Sông Đốc	Cửa biển	13,0	28/06	Kiểm soát mặn
24	**Trà Vinh**	Phường Hòa Thuận + Long Đức - VL	Sông Cổ Chiên	26	2,5	02/07	Kiểm tra kỹ trước khi lấy nước

Ghi chú: màu sắc theo độ mặn max

< 1g/l nước nhiễm mặn nhẹ, an toàn cấp nước cho phần lớn các lĩnh vực

< 4 g/l mặn trong ngưỡng chịu mặn của cây lúa, cần giám sát chặt chẽ

≥ 4g/l mặn vượt quá ngưỡng an toàn cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng nước tiết kiệm